

Số: 13/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
Nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 15)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 26 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Xét Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 15); Báo cáo thẩm tra số 27/BC-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:

Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh 3.656.141 triệu đồng (giảm 79.299 triệu đồng).

Cụ thể:

1. Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 2.136.137 triệu đồng (giảm 161.463 triệu đồng).

2. Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 969.755 triệu đồng (giảm 11.956 triệu đồng).

3. Xổ số kiến thiết: 96.209 triệu đồng (giảm 627 triệu đồng).

4. Bội chi ngân sách địa phương: 55.060 triệu đồng (tăng 6.000 triệu đồng).

5. Nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi: 310.233 triệu đồng.

6. Bổ sung chi đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 88.747 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 15) như sau:

1. Điều chỉnh nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước:

a) Giảm kế hoạch vốn: 191.318 triệu đồng, trong đó:

- Giảm kế hoạch vốn các dự án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn thấp hơn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: 161.463 triệu đồng.

- Giảm kế hoạch vốn do cắt giảm quy mô, hạng mục đầu tư: 29.855 triệu đồng.

b) Tăng kế hoạch vốn cho các dự án, nhiệm vụ có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn: 29.855 triệu đồng.

2. Điều chỉnh nguồn thu tiền sử dụng đất:

a) Giảm kế hoạch vốn: 102.795 triệu đồng, trong đó:

- Giảm kế hoạch vốn các dự án, nhiệm vụ do kết quả thu tiền sử dụng đất năm 2024 không đạt kế hoạch đề ra: 11.956 triệu đồng.

- Giảm kế hoạch vốn các dự án, nhiệm vụ đã được giao kế hoạch vốn năm 2005 để bố trí lại từ các nguồn vốn khác: 90.839 triệu đồng.

b) Tăng kế hoạch vốn dự phòng: 90.839 triệu đồng.

3. Điều chỉnh nguồn thu xổ số kiến thiết:

a) Giảm kế hoạch vốn: 1.855 triệu đồng, trong đó:

- Giảm kế hoạch vốn các dự án do kết quả thu xổ số kiến thiết năm 2024 không đạt kế hoạch đề ra: 627 triệu đồng.

- Giảm kế hoạch vốn dự án được phê duyệt đầu tư có tổng mức đầu tư thấp hơn chủ trương đầu tư: 1.228 triệu đồng.

b) Tăng kế hoạch vốn: 1.228 triệu đồng.

- Phân bổ kế hoạch vốn cho các dự án bị giảm kế hoạch do kết quả thu xổ số kiến thiết năm 2024 không đạt kế hoạch đề ra: 627 triệu đồng.

- Dự phòng phân bổ sau: 601 triệu đồng.

4. Phân bổ nguồn chi đầu tư theo ngành, lĩnh vực:

Phân bổ, tăng kế hoạch vốn cho các dự án có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn: 88.747 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 26 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 03 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH TỔNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch trung hạn tỉnh giao	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh	Ghi chú
				Giảm	Tăng		
1	2	3	4	5	7	8 = 4 - 5 + 7	9
	TỔNG SỐ	2.875.200	3.735.440	174.046	94.747	3.656.141	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.256.400	2.297.600	161.463		2.136.137	Do Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn năm 2025 thấp hơn thực tế
2	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	505.000	981.711	11.956		969.755	Do năm 2024 kết quả thu tiền sử dụng đất không đạt kế hoạch đề ra
3	Xổ số kiến thiết	83.000	96.836	627		96.209	Do năm 2024 kết quả thu xổ số kiến thiết không đạt kế hoạch đề ra
4	Bộ chi ngân sách địa phương	30.800	49.060		6.000	55.060	Bổ sung kế hoạch bộ chi ngân sách địa phương năm 2025
5	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi cấp tỉnh		310.233			310.233	
6	Chi đầu tư theo ngành, lĩnh vực				88.747	88.747	Được bổ sung từ kinh phí chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định phê duyệt chủ trương/phê duyệt dự án			Quyết định phê duyệt quyết toán		KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh trung hạn					KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	
		Khởi công	Hoàn thành	Số QĐ	TMDT	Trong đó: NSDP	Số QĐ	Giá trị được quyết toán		Giảm				Tăng			
										Tổng giảm	Giảm do TW giao KH vốn năm 2025 thấp hơn kế hoạch được giao	Giảm do kết quả thu ngân sách năm 2024 không đạt kế hoạch, để bố trí lại	Giảm do cắt giảm quy mô hoặc để bổ sung từ nguồn vốn khác				
	TỔNG				1.184.097	397.042		-	-	1.600.168	295.968	161.463	12.583	121.922	210.669	1.519.469	
A	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC				0	0				1.392.161	191.318	161.463	0	29.855	29.855	1.235.298	
A.I	Nguồn ngân sách tỉnh điều hành									715.241	142.879	113.024	0	29.855	29.855	606.817	
I	Quốc phòng				8.500	8.500	0	0	8.500	430	430	0		0		8.070	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>																
1	Nhà kho, xe, pháo, huấn luyện Dân quân tự vệ/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2023	2025	338/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	8.500	8.500			8.500	430	430					8.070	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				73.000	73.000	0	0	0	0	0	0	0		19.625	19.625	
	<i>Dự án khởi công mới</i>																
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023-2025	2023	2025	10/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 887/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	60.000	60.000			0	0					12.625	12.625	Công an tỉnh
2	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2025	2024	2025	94/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	13.000	13.000			0	0				7.000	7.000	Công an tỉnh	
III	Giáo dục, đào tạo				21.177	12.877	0	0	12.877	670	670	0		0		12.207	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>																
3	Xây dựng trường mầm non Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	2023	2025	206/QĐ-UBND ngày 13/02/2022; 2231/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	6.677	6.677			6.677	320	320					6.357	UBND huyện Ngân Sơn
4	Dự án Xây dựng mới trường Mầm non Hà Hiếu	2023	2025	1251/QĐ-UBND 7/7/2023	14.500	6.200			6.200	350	350					5.850	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	Y tế, dân số và gia đình				12.450	12.450	0	0	12.450	900	900	0		0		11.550	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>																
5	Cải tạo, sửa chữa bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn (nhà C); Nhà làm việc chi cục dân số - KHHGĐ; Trung tâm y tế huyện Pác Nặm; Trung tâm kiểm soát bệnh tật	2023	2025	208/QĐ-UBND ngày 13/02/2023; 2267/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	12.450	12.450			12.450	900	900					11.550	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
V	Văn hóa, thông tin								7.000	3.600	3.000	0	600	0		8.000	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>																
6	Cải tạo, sửa chữa Bảo tàng tỉnh	2023	2025	462/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	2.500	2.500			1.000	600				600		5.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Hỗ trợ các địa phương đầu tư cơ sở vật chất và phát triển điểm du lịch theo Điều 6 quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển điểm du lịch trên địa bàn tỉnh, trong đó:								6.000	3.000	3.000	0		0		3.000	
-	Huyện Chợ Mới								2.000	1.000	1.000					1.000	UBND huyện Chợ Mới
-	Huyện Chợ Đồn								2.000	1.000	1.000					1.000	UBND huyện Chợ Đồn
-	Huyện Bạch Thông								2.000	1.000	1.000					1.000	UBND huyện Bạch Thông

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định phê duyệt chủ trương/phê duyệt dự án			Quyết định phê duyệt quyết toán		KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh trung hạn				KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	
		Khởi công	Hoàn thành	Số QĐ	TMBT	Trong đó: NSĐP	Số QĐ	Giá trị được quyết toán		Giảm						Tăng
										Tổng giảm	Giảm do TW giao KH vốn năm 2025 thấp hơn kế hoạch được giao	Giảm do kết quả thu ngân sách năm 2024 không đạt kế hoạch, để bổ trí lại	Giảm do cắt giảm quy mô hoặc để bổ sung từ nguồn vốn khác			
VI	Nông nghiệp, lâm nghiệp															
	<i>Dự án trả nợ quyết toán</i>															
8	Bảo vệ và phát triển rừng huyện Ngân Sơn giai đoạn 2011-2020 được phê duyệt quyết toán							2152/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	54.025		0			41,4	41	Ban QL chương trình MTQG phát triển lâm nghiệp bền vững huyện Ngân Sơn
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>															
9	Hỗ trợ kết cấu hạ tầng các Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	2023	2025	821/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	31.580	30.000			24.632	707	707				23.925	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT
VII	Giao thông															
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>															
10	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	2021	2025	1328/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	3.717.809	277.809			232.935	56.309	56.309				176.626	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
VIII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước															
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>															
11	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bắc Kạn (cơ sở 2) thành trụ sở làm việc Sở GD&ĐT; hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy trường THPT Ba Bể và trường THPT Ngân Sơn	2023	2025	1904/QĐ-UBND ngày 18/10/2023; 444/QĐ-UBND ngày 20/3/2024	14.812	8.522			8.522	840	840				7.682	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
12	Cải tạo, sửa chữa và hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy trụ sở Sở Công Thương tỉnh Bắc Kạn	2023	2025	232/QĐ-UBND ngày 16/02/2023; 2265/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	3.197	3.197			3.197	1.900	100		1.800		1.297	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
13	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ, hoàn thiện hệ thống PCCC của Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị trực thuộc	2023	2025	207/QĐ-UBND ngày 13/02/2022; 1912/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	3.583	3.381			2.281	300	300				1.981	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
14	Cải tạo, sửa chữa, hoàn thiện hệ thống PCCC trụ sở Thanh tra tỉnh	2023	2025	570/QĐ-UBND ngày 04/4/2023; 1891/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	7.378	7.378			5.378	100	100				5.278	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
15	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Tỉnh ủy Bắc Kạn	2021	2025	2172/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; 636/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	47.000	37.000			31.900	100	100				31.800	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
16	Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND - UBND tỉnh Bắc Kạn	2023	2025	4898/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	14.975	14.975			9.875	1.261			1.261		8.614	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
17	Cải tạo, sửa chữa Nhà thi đấu thể dục thể thao đa năng; sửa chữa, nâng cấp trụ sở, hoàn thiện hệ thống PCCC trụ sở Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2023	2025	571/QĐ-UBND ngày 04/4/2023; 2269/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	9.741	9.741			6.341	1.670			1.670		4.671	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IX	Công nghiệp															
	<i>Dự án trả nợ quyết toán</i>															
18	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn II được phê duyệt quyết toán							709/QĐUBND ngày 24/4/2023	3.506	0				188,6	188,6	Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ KCN
X	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật															
					57.930	12.930			0	0	12.930	930	930	0	0	12.000

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành		Quyết định phê duyệt chủ trương/phê duyệt dự án			Quyết định phê duyệt quyết toán		KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh trung hạn					KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
		Khởi công	Hoàn thành	Số QĐ	TMBT	Trong đó: NSDP	Số QĐ	Giá trị được quyết toán		Giảm				Tăng		
										Tổng giảm	Giảm do TW giao KH vốn năm 2025 thấp hơn kế hoạch được giao	Giảm do kết quả thu ngân sách năm 2024 không đạt kế hoạch, để bố trí lại	Giảm do cắt giảm quy mô hoặc để bổ sung từ nguồn vốn khác			
4	Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngăn Sơn, tỉnh Bắc Kạn	2023	2025	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 2035/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1783/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	137.969	77.999			61.492	58.955		9.155	49.800		2.537	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	<i>Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật</i>				57.930	45.000	0	0	43.784	1.100	0	1.100	0	0	42.684	
	<i>Dự án khởi công mới</i>															
5	Hoàn thiện mặt bằng phần diện tích còn lại của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I	2023	2025	06/NQ-HĐND ngày 10/3/2023	57.930	45.000			43.784	1.100		1.100			42.684	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
V	<i>Dự phòng chưa phân bổ</i>													90.839	90.839	
C	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT				41.229	25.444	0	0	26.672	1.855	0	627	1.228	1.228	26.045	
1	Trường Mầm non Yên Dương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	2023	2025	886/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	7.000	7.000			7.000	218		218		218	7.000	UBND huyện Ba Bể
2	Trường Tiểu học Hiệp lực, huyện Ngăn Sơn	2023	2025	1782/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	12.438	7.159			7.159	32		32		32	7.159	UBND huyện Ngăn Sơn
3	Trường Mầm non Nhân Môn, huyện Pác Nặm	2023	2025	264/QĐ-UBND ngày 20/02/2023	14.910	4.404			4.404	377		377		377	4.404	UBND huyện Pác Nặm
4	Trường THPT Phú Thông, huyện Bắc Thông	2024	2025	2112/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	6.881	6.881			8.109	1.228			1.228		6.881	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Dự phòng								0	0				601	601	
D	CHI ĐẦU TƯ KHÁC				621.969	156.799	-	-	-	-	-	-	-	88.747	88.747	
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				60.000	60.000	-	-	-	-	-	-	-	7.614	7.614	
	<i>Dự án khởi công mới</i>															
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023-2025	2023	2025	10/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 887/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	60.000	60.000				0				7.614	7.614	Công an tỉnh
II	Thể dục, thể thao				252.000	18.800	0	0	0	0	0	0	0	23.333	23.333	
	<i>Dự án tăng tổng mức đầu tư</i>															
3	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	2022	2025	56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021; 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 684/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	252.000	18.800			0					23.333	23.333	UBND thành phố Bắc Kạn
III	Y tế, dân số và gia đình				137.969	77.999	0	0	0	0	0	0	0	49.800	49.800	
	<i>Dự án khởi công mới</i>															
4	Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngăn Sơn, tỉnh Bắc Kạn	2023	2025	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 2035/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1783/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	137.969	77.999								49.800	49.800	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	Giao thông				172.000	0	0	0	0	0	0	0	0	8.000	8.000	
	<i>Dự án khởi công mới</i>															
5	Dự án hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	2022	2025	2313/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	172.000	0								8.000	8.000	UBND huyện Ba Bể